

HIỆU QUẢ SÁT KHUẨN TRÊN BỎNG VÀ VẾT LOÉT MẠN TÍNH ^{1,2,3,4,5,7}

Nghiên cứu trên bệnh nhân loét chân khó chữa

• Đánh giá kích thước vết loét:

	Trung bình (SD)
Kích thước vết loét trước điều trị (cm ²)	4.5 (10.4)
Kích thước vết loét sau điều trị (cm ²)	3.3 (9.2)
Thời gian điều trị (tháng)	5.2 (2.7)

Nghiên cứu trên 30 bệnh nhân loét khó chữa (17 nam và 13 nữ), tuổi trung bình 64 (SD=14.6), được điều trị trong 6 tháng, tổng 42 ổ loét, bao gồm loét do đái tháo đường (81%), loét do tì đè (7.1%), loét chân do bệnh lý tĩnh mạch (4.8%), loét chân do bệnh lý động mạch (4.8%), loét không rõ nguyên nhân (2.4%).

Tài liệu tham khảo:

1. European Wound Management Association (EWMA). Management of wound infection. MEP Ltd., 2006
2. Leaper DJ, Durani P. Topical antimicrobial therapy of chronic wounds using iodine products. Int Wound J 2008;5:361-368
3. Campbell N and Campbell D. Evaluation of a non-adherent, povidone-iodine dressing in a case series of chronic wounds. Journal of wound care vol 22, no 8, August 2013
4. K.Y. Wop. Management of non healable or maintenance wounds with topical povidone iodine. International Wound Journal 2013
5. Selvaggi. The Role of iodine in antiseptics and wound management-a reappraisal_2003
6. Tian-Zeng L et al: Comparative trial between 10% Betadine® ointment and silver sulphadiazine in the treatment of burns. Royal Soc Med Services Internat Congress and Symp Series 129. 1988
7. Mayer DA and Tsapogas MJ. Povidone-Iodine and Wound Healing: A Critical Review. WOUNDS 1993;5(1):14 -23



me

 **BETADINE®**